



DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.14.03S.2025.1634>

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG TỰ ĐÁNH GIÁ TRONG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CỦA CÁC TRƯỜNG MẦM NON Ở THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Phan Trọng Nam^{1*} và Đào Thị Gái²

¹Phòng Khoa học và Công nghệ, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

²Học viên cao học, Trường Đại học Đồng Tháp

*Tác giả liên hệ, Email: ptnam@dthu.edu.vn

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 15/8/2025; Ngày nhận chỉnh sửa: 01/9/2025; Ngày duyệt đăng: 13/9/2025

Tóm tắt:

Bài báo khảo sát thực trạng quản lý hoạt động tự đánh giá trong kiểm định chất lượng giáo dục tại các trường mầm non ở thành phố Thủ Đức theo tiếp cận chức năng. Kết quả cho thấy nhiều điểm mạnh: sự quan tâm, chỉ đạo của lãnh đạo; nhận thức và tham gia tích cực của cán bộ quản lý, giáo viên; quy trình tự đánh giá được triển khai tương đối đồng bộ; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý minh chứng và viết báo cáo, qua đó tăng minh bạch và hỗ trợ cải tiến sau mỗi chu kỳ. Bên cạnh đó vẫn tồn tại hạn chế: kế hoạch tự đánh giá thiếu tầm nhìn dài hạn; tập huấn thiên về lý thuyết, ít gắn thực hành; sự tham gia của phụ huynh và cộng đồng còn hình thức; khâu phản biện, tổng kết chưa đồng đều; hạn chế về cơ sở vật chất, thiết bị, kinh phí; một bộ phận cán bộ, giáo viên còn yếu kỹ năng xử lý minh chứng và ứng dụng công nghệ. Bài báo đề xuất sáu nhóm biện pháp: (1) nâng cao chất lượng lập kế hoạch; (2) bồi dưỡng, tập huấn và hỗ trợ nghiệp vụ; (3) tăng cường tổ chức, phân công, điều phối; (4) phát huy vai trò chỉ đạo và phối hợp trong ngoài nhà trường; (5) đổi mới kiểm tra, giám sát, phản biện, tổng kết; (6) đảm bảo điều kiện hỗ trợ gắn phát triển năng lực đội ngũ. Các biện pháp hướng tới nâng cao hiệu quả tự đánh giá, cải thiện kiểm định chất lượng giáo dục và thúc đẩy phát triển bền vững giáo dục mầm non tại địa phương.

Từ khóa: Giáo dục mầm non, kiểm định chất lượng giáo dục, quản lý giáo dục, thành phố Thủ Đức, tự đánh giá.

Trích dẫn: Phan, T. N., & Đào, T. G. (2025). Quản lý hoạt động tự đánh giá trong kiểm định chất lượng giáo dục của các trường mầm non ở thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 14(03S), 268-281. <https://doi.org/10.52714/dthu.14.03S.2025.1634>

Copyright © 2025 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

MANAGEMENT MEASURES FOR SELF-ASSESSMENT ACTIVITIES IN EDUCATION QUALITY ACCREDITATION OF KINDERGARTENS IN THU DUC CITY, HO CHI MINH CITY

Phan Trong Nam^{1*} and Dao Thi Gai²

¹*Research Affairs Office, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

²*Postgraduate, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

**Corresponding author: Email: ptnam@dthu.edu.vn*

Article history

Received: 15/8/2025; Received in revised form: 01/9/2025; Accepted: 13/9/2025

Abstract

This article examines the management of self-assessment within educational quality assurance at preschools in Thu Duc City using a functional approach. Findings highlight several strengths. These include leadership attention and guidance; strong awareness and active participation of administrators and teachers; a relatively well-synchronized self-assessment process; and the application of information technology to evidence management and report writing, which improves transparency and supports improvement after each cycle. Nonetheless, notable limitations remain: SA plans lack a long-term strategic orientation; training is theory-heavy with limited practice; participation by parents and the community is largely tokenistic; peer review and summative reflection are uneven across schools; facilities, equipment, and funding are constrained; and a subset of staff have weak skills in handling evidence and using information technology. The article proposes six management measures: (1) improve the quality of self-assessment planning; (2) provide training, capacity building, and ongoing support for SA councils; (3) strengthen organization, task assignment, and coordination; (4) enhance leadership and coordination mechanisms within and beyond the school; (5) innovate inspection, monitoring, peer review, and summative review; and (6) ensure supportive conditions and link them to staff capacity development. These measures aim to increase the effectiveness of self-assessment, improve educational quality assurance outcomes, and promote the sustainable development of early childhood education in the locality.

Keywords: *Education quality accreditation, educational management, preschool education, self-assessment, Thu Duc City.*

1. Đặt vấn đề

Chất lượng giáo dục là thước đo năng lực phát triển bền vững và trách nhiệm giải trình của hệ thống nhà trường. Ở Việt Nam, khung pháp lý về kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD) và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia đã được chuẩn hóa, kèm hướng dẫn về quy trình tự đánh giá (TĐG) và đánh giá ngoài, tạo nền tảng cho cơ chế bảo đảm chất lượng bên trong (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018a, 2018b). Trong cấu trúc đó, TĐG giữ vai trò trung tâm: giúp nhà trường nhận diện điểm mạnh - hạn chế và xây dựng kế hoạch cải tiến dựa trên minh chứng.

Thực tiễn trong nước ghi nhận chuyển biến tích cực nhưng chưa đồng đều. Ở bậc phổ thông, nhiều nghiên cứu cho thấy các khâu tổ chức và quản lý TĐG đã hình thành song còn bất cập về năng lực thực thi, tài liệu hướng dẫn và mức độ chủ động của đội ngũ quản lý - giáo viên (Đỗ & Nguyễn, 2024; Lê & Đỗ, 2024; Lê, 2023). Chất lượng báo cáo TĐG - sản phẩm cốt lõi của quy trình KĐCLGD - đôi khi thiếu hệ thống minh chứng và còn mờ nhạt về giải pháp cải tiến, làm giảm giá trị sử dụng trong điều hành (Đàm, 2017). Ở giáo dục đại học, kinh nghiệm xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong cho thấy nhu cầu chiến lược hóa mục tiêu, chỉ số và chu trình vận hành, cung cấp gợi ý phương pháp cho các bậc học khác, kể cả mầm non (Trần, 2021). Việc lựa chọn và sử dụng bộ công cụ đánh giá phù hợp có ảnh hưởng trực tiếp đến độ tin cậy kết quả và hiệu lực chính sách cải tiến (Vũ & cs., 2023).

Bằng chứng quốc tế củng cố cơ sở lý luận cho quản lý TĐG: (i) cần “khớp nối” TĐG và đánh giá ngoài trong bối cảnh tăng trách nhiệm giải trình; sự dẫn dắt nhất quán của lãnh đạo giúp tránh hình thức và bảo đảm độ tin cậy (Vanhoof & Van Petegem, 2007); (ii) tác động của TĐG chỉ hiện thực khi nhà trường hình thành văn hóa sử dụng dữ liệu, với mục tiêu, công cụ phù hợp và năng lực đọc - hiểu dữ liệu, kèm cơ chế phản hồi - hỗ trợ chuyên môn (Schildkamp & cs., 2012); (iii) ở mầm non, trọng tâm là “chất lượng quá trình” (tương tác, thực hành sự phạm hằng ngày) được đo lường bằng khung chỉ báo tin cậy và gắn với kết quả phát triển của trẻ, thay vì chỉ gài cố đầu vào (Burchinal, 2018). Những luận điểm này gợi mở cách tiếp cận theo chu trình PDCA, dựa trên minh chứng, số hóa quy trình và gắn cải tiến với kết quả học tập - phát triển của trẻ.

Thành phố Thủ Đức - đô thị trẻ của Thành phố Hồ Chí Minh - chịu áp lực gia tăng quy mô học sinh và kỳ vọng chất lượng dịch vụ công. Trong bối cảnh đó, các trường mầm non vừa phải tuân thủ chuẩn mực KĐCLGD quốc gia, vừa thích ứng với khác biệt về nguồn lực, cơ cấu đội ngũ và mức độ tham gia của phụ huynh - cộng đồng. Những khoảng trống thường gặp gồm: kế hoạch TĐG thiếu linh hoạt; năng lực thực hành TĐG (thu thập - xử lý minh chứng, viết báo cáo, sử dụng dữ liệu) chưa đồng đều; cơ chế phối hợp trong - ngoài nhà trường và bảo đảm điều kiện (tài chính, cơ sở vật chất, công cụ số) còn hạn chế (Đỗ & Nguyễn, 2024; Lê & Đỗ, 2024; Lê, 2023; Đàm, 2017).

Trên nền tảng khung pháp lý quốc gia (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018a, 2018b), kết hợp gợi ý từ kinh nghiệm quốc tế về gắn kết TĐG - đánh giá ngoài, xây dựng văn hóa dữ liệu và định hướng chất lượng quá trình (Vanhoof & Van Petegem, 2007; Schildkamp & cs., 2012; Burchinal, 2018), bài báo phân tích thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý hoạt động TĐG tại các trường mầm non ở thành phố Thủ Đức; từ đó đề xuất nhóm biện pháp quản lý theo chức năng (kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra - giám sát, bảo đảm điều kiện) và theo chu trình PDCA, nhằm chuyển TĐG từ “nhiệm vụ tuân thủ” thành “công cụ quản trị cải tiến liên tục”, nâng cao tính minh bạch và hiệu quả KĐCLGD, qua đó cải thiện chất lượng chăm sóc - giáo dục trẻ.

Nghiên cứu sử dụng khảo sát cắt ngang đối với cán bộ quản lý và giáo viên các trường mầm non tại thành phố Thủ Đức (n = 144). Công cụ là bảng hỏi Likert 5 mức (1-5) kèm câu

hỏi mở; nội dung bao quát: nhận thức, mức đáp ứng tiêu chuẩn, quy trình - phương pháp TĐG, kết quả ứng dụng, điều kiện hỗ trợ và các hợp phần quản lý. Bảng hỏi phát hành qua kênh số <https://forms.gle/DhmGh5WN8WATTzL18>; dữ liệu được làm sạch, mã hóa và phân tích thống kê mô tả (ĐTB, ĐLC). Mức diễn giải: 1,00 - 1,80: Yếu; 1,81 - 2,60: Trung bình; 2,61 - 3,40: Khá; 3,41 - 4,20: Tốt; 4,21 - 5,00: Rất tốt. Người tham gia hoàn toàn tự nguyện, ẩn danh; dữ liệu chỉ dùng cho mục đích học thuật.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Thực trạng hoạt động quản lý hoạt động tự đánh giá của các trường mầm non ở thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

2.1.1. Nhận thức về tầm quan trọng của tự đánh giá

Kết quả khảo sát cho thấy nhận thức của cán bộ quản lý và giáo viên về vai trò của TĐG đạt từ “tốt” đến “rất tốt” (Điểm trung bình (ĐTB): 4,11 - 4,20). Nội dung “Kết quả TĐG được sử dụng để công khai chất lượng” có ĐTB cao nhất (4,20), phản ánh yêu cầu minh bạch qua bảng tin, cổng thông tin và hợp phụ huynh, dù vẫn còn một số cơ sở chủ yếu công bố trong nội bộ. Hai nội dung “TĐG thúc đẩy tinh thần tự chịu trách nhiệm” (4,19) và “TĐG là hoạt động quan trọng, thường xuyên” (4,17) cho thấy TĐG từng bước trở thành thành tố của văn hóa chất lượng. Dữ liệu phỏng vấn cho thấy TĐG giúp nhà trường “tự soi”, nhận diện điểm mạnh - yếu trong quản lý, giảng dạy, chăm sóc; từ đó điều chỉnh phân công, bổ sung thiết bị, cải thiện môi trường và chuẩn hóa hồ sơ. Tuy nhiên, vẫn tồn tại chênh lệch về mức độ hiểu biết và tính chủ động giữa cán bộ quản lý và một bộ phận giáo viên; một số giáo viên chưa thấy lợi ích trực tiếp nên còn thụ động. Vì vậy, cần thống nhất nhận thức trong toàn trường và mở rộng kênh công khai nhằm tăng minh bạch, củng cố trách nhiệm giải trình với phụ huynh và cộng đồng. Gợi ý quản lý: tổ chức bồi dưỡng theo chuyên đề gắn minh chứng thực tế của trường; phân công giáo viên tham gia đầy đủ các khâu (thu thập minh chứng, phân tích, viết báo cáo) để học qua thực hành; ban hành quy trình công khai với quy định rõ kênh, thời điểm và người phụ trách.

2.1.2. Mức độ thực hiện các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng

Kết quả nghiên cứu cho thấy mức đáp ứng các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng tại các trường mầm non ở thành phố Thủ Đức đạt từ “tốt” đến “rất tốt” (ĐTB: 3,94 - 4,24). Tiêu chuẩn 5 - Hoạt động và kết quả chăm sóc, giáo dục trẻ đạt cao nhất (4,24), phản ánh sự tập trung nguồn lực vào lõi chất lượng của bậc học. Tiêu chuẩn 2 - Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ và Tiêu chuẩn 4 - Môi trường nhà trường - gia đình - cộng đồng - cùng đạt 4,13, cho thấy nền tảng nhân lực và cơ chế phối hợp xã hội được duy trì hiệu quả. Tiêu chuẩn 1 - Tổ chức và quản lý nhà trường đạt 4,02, cơ bản đáp ứng yêu cầu về quy chế, kế hoạch, phân công và giám sát, nhưng còn dư địa tối ưu hóa quy trình và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị. Tiêu chuẩn 3 - Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học - thấp nhất (3,94) song vẫn ở mức “tốt”, phản ánh sự chưa đồng đều về phòng chức năng, thiết bị, học liệu và không gian trải nghiệm. Nhìn chung, các yêu cầu cốt lõi đã được thực hiện hiệu quả; để chuyển dịch đồng bộ từ “tốt” lên “rất tốt”, cần ưu tiên đầu tư có lộ trình cho cơ sở vật chất - thiết bị; chuẩn hóa quản lý dựa trên dữ liệu (quy trình, chỉ báo, theo dõi tiến độ số hóa); gắn phát triển đội ngũ với kết quả TĐG và chuẩn nghề nghiệp; đồng thời mở rộng vai trò phụ huynh - cộng đồng trong huy động nguồn lực và giám sát chất lượng.

2.1.3. Quy trình tổ chức tự đánh giá

Phân tích thống kê cho thấy quy trình TĐG được triển khai tương đối đồng bộ, đạt mức “tốt” ở tất cả các bước (ĐTB: 4,06 - 4,11). Bước “lập kế hoạch rõ ràng, khả thi” có ĐTB cao nhất (4,11), phản ánh cách làm dựa trên sự tham gia của các bộ phận và bám sát điều kiện thực

tế. Hai bước “đánh giá mức đạt theo tiêu chí” và “thành lập hội đồng, phân công nhiệm vụ” cùng đạt 4,10, cho thấy cơ chế vận hành đã định hình với quyết định, phân công và theo dõi tiến độ. Hạn chế nổi bật nằm ở “viết báo cáo, công bố nội bộ và triển khai cải tiến” (4,08) và “thu thập, xử lý, phân tích minh chứng” (4,06), chủ yếu do áp lực thời gian, minh chứng phân tán, mã hóa chưa thống nhất và chênh lệch kỹ năng xử lý dữ liệu; thêm nữa, việc chuyển khuyến nghị thành kế hoạch cải tiến còn thiếu chỉ số theo dõi, mốc thời hạn và phân bổ nguồn lực cụ thể. Định hướng hoàn thiện (ngắn gọn): chuẩn hóa công cụ (khung kế hoạch, ma trận phân công, sổ tay minh chứng, bảng kiểm); số hóa - mã hóa minh chứng và xây kho dữ liệu chung có phân quyền; bố trí “điểm rơi” thời gian cho khâu thu thập - tổng hợp; vận hành PDCA theo quý gắn chỉ báo; tổ chức phản biện nội bộ trước khi ban hành; và liên thông bắt buộc kết quả TĐG vào kế hoạch cải tiến với KPI, thời hạn, người chịu trách nhiệm rõ ràng.

2.1.4. Phương pháp và hình thức thực hiện tự đánh giá

Kết quả tổng hợp cho thấy các trường vận dụng tương đối đầy đủ phương pháp, với mức thực hiện “tốt” ở tất cả nội dung (ĐTB: 4,03 - 4,15). Quan sát hoạt động thực tế đạt điểm cao nhất (4,15), khẳng định giá trị của bằng chứng trực tiếp khi đối chiếu yêu cầu với thực tiễn nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Nghiên cứu hồ sơ nội bộ và phân tích số liệu cùng đạt 4,06, cho thấy nhà trường đã khai thác tư liệu sẵn có và dùng dữ liệu củng cố kết luận. Tuy nhiên, cách thức xử lý dữ liệu còn khác biệt giữa các đơn vị: có nơi dùng bảng tính và khảo sát trực tuyến, có nơi chủ yếu dựa vào biên bản - báo cáo, dẫn đến mức độ chuẩn hóa và tự động hóa chưa đồng đều. Hai nội dung có điểm thấp nhất là phỏng vấn, thảo luận nhóm và ứng dụng phần mềm/biểu mẫu điện tử (cùng 4,03), phản ánh tiềm năng thông tin đa chiều và rút ngắn tổng hợp chưa được khai thác đầy đủ do hạn chế thời gian, kỹ năng công nghệ và thói quen tác nghiệp thủ công. Định hướng hoàn thiện: chuẩn hóa bộ hướng dẫn phương pháp theo tiêu chí (kịch bản quan sát, khung hỏi phỏng vấn, mẫu biên bản thảo luận); số hóa và quy ước mã hóa minh chứng; áp dụng biểu mẫu điện tử và kho lưu trữ dữ liệu chung có phân quyền; bồi dưỡng kỹ năng xử lý - trực quan hóa dữ liệu trên bảng tính; mở rộng khảo sát trực tuyến với phụ huynh và giáo viên; và rà soát định kỳ chất lượng bộ công cụ để bảo đảm thông tin đầy đủ, khách quan, hữu ích cho lập kế hoạch cải tiến.

2.1.5. Kết quả và mức độ ứng dụng của tự đánh giá

Phân tích số liệu cho thấy giá trị sử dụng của TĐG đạt mức “tốt” ở mọi nội dung (ĐTB: 4,06 - 4,13). Nội dung “chuẩn bị cho đánh giá ngoài” cao nhất (4,13), khẳng định báo cáo TĐG là căn cứ chuẩn hóa minh chứng và quy trình trước kiểm định. Hai nội dung “nâng cao chất lượng giáo dục” và “tăng gắn kết đội ngũ” cùng đạt 4,09, phản ánh tác động đồng thời tới điều chỉnh kế hoạch năm học, phân bổ nguồn lực, cải thiện môi trường giáo dục và củng cố phối hợp nội bộ. Việc vận dụng kết quả vào lập kế hoạch cải tiến đạt 4,07 nhưng còn thiếu đồng đều về chỉ số theo dõi, mốc thời hạn, phân công và bảo đảm nguồn lực. “Báo cáo phản ánh đúng thực trạng” đứng thấp nhất (4,06), gợi ý cần tăng mức độ trung thực, tránh né nêu hạn chế. Vai trò điều hành của ban giám hiệu thể hiện ở phân công theo giai đoạn, theo dõi tiến độ và nhắc việc định kỳ. Định hướng quản lý: (i) bắt buộc nêu đầy đủ hạn chế kèm biện pháp, chỉ số, thời hạn, người phụ trách; (ii) liên thông kết quả TĐG với kế hoạch năm học, kế hoạch bồi dưỡng và dự toán; (iii) tổ chức phản biện nội bộ trước khi ban hành, công bố tóm tắt kết quả và kế hoạch cải tiến; (iv) theo dõi tiến độ hằng quý, ưu tiên nguồn lực cho biện pháp tác động trực tiếp đến chăm sóc, giáo dục và an toàn trẻ.

2.1.6. Điều kiện hỗ trợ cho hoạt động tự đánh giá

Kết quả cho thấy các điều kiện hỗ trợ đạt mức khá và tương đối đồng đều (ĐTB: 3,96 - 4,07). Cao nhất là sự đồng thuận và ủng hộ của cán bộ quản lý, giáo viên và phụ huynh (ĐTB 4,07), tạo lợi thế về nguồn lực con người và phối hợp tác nghiệp. Việc bố trí thời gian cho đội

ngũ tham gia TĐG đạt 4,05, phản ánh nỗ lực cân bằng với lịch nuôi dưỡng - chăm sóc, dù vẫn chịu áp lực ở các khung giờ cao điểm. Tài liệu hướng dẫn và văn bản chỉ đạo đạt 4,03, được tiếp cận kịp thời nhưng còn thiên về khung khái quát, thiếu ví dụ hóa theo đặc thù mầm non nên khi vận dụng phải điều chỉnh tại chỗ. Hai điểm nghẽn nổi bật là cơ sở vật chất phục vụ TĐG và kinh phí (cùng ĐTB 3,96): còn thiếu thiết bị xử lý dữ liệu, không gian họp - thảo luận, phần mềm lưu trữ - tổng hợp minh chứng; nguồn tài chính chủ yếu đáp ứng in ấn, chưa đủ cho tập huấn chuyên sâu và chuẩn hóa công cụ; một số đơn vị còn mỏng nhân lực, kiêm nhiệm nhiều. Định hướng hoàn thiện: (i) tổ chức thời gian theo “điểm rơi” của chu kỳ TĐG để tập trung cho khâu thu thập - tổng hợp; (ii) đầu tư “gói điều kiện tối thiểu” gồm máy tính đủ cấu hình xử lý dữ liệu, thiết bị trình chiếu, kho dữ liệu điện tử có phân quyền và phòng họp nhóm; (iii) định danh dòng ngân sách dành cho TĐG trong kế hoạch năm học và huy động xã hội hóa minh bạch, có mục tiêu; (iv) phân công rõ đầu mối phụ trách TĐG ở từng tổ/khối; (v) bản địa hóa hướng dẫn bằng sổ tay nội bộ kèm tình huống điển hình để thống nhất cách làm.

2.2. Thực trạng quản lý hoạt động tự đánh giá của các trường mầm non ở Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

2.2.1. Công tác lập kế hoạch tự đánh giá của các trường mầm non ở thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 1. Kết quả đánh giá về công tác lập kế hoạch tự đánh giá trong kiểm định chất lượng giáo dục của các trường mầm non ở thành phố Thủ Đức

TT	Nội dung đánh giá	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
1	Ban giám hiệu chỉ đạo xây dựng kế hoạch TĐG theo hướng dẫn hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo	4,13	0,99	4
2	Kế hoạch TĐG được xây dựng có cấu trúc đầy đủ, tiến độ rõ ràng và phân công hợp lý	4,15	0,94	3
3	Nội dung kế hoạch sát với đặc điểm thực tế của nhà trường	4,16	0,93	2
4	Việc lập kế hoạch có sự tham gia góp ý của tổ chuyên môn và các bộ phận liên quan	4,17	0,95	1
5	Có hoạt động rà soát, điều chỉnh kế hoạch khi có thay đổi trong quá trình triển khai	4,11	0,97	5

Kết quả phân tích cho thấy công tác lập kế hoạch TĐG đạt mức tốt (ĐTB: 4,11 - 4,17). Nội dung được đánh giá cao nhất là việc huy động ý kiến của tổ chuyên môn và các bộ phận liên quan (4,17; xếp thứ nhất), cho thấy cách làm có sự tham gia rộng rãi, tạo đồng thuận và nâng cao tính khả thi. Hai nội dung “kế hoạch bám sát điều kiện thực tế của nhà trường” (4,16; xếp thứ hai) và “cấu trúc, tiến độ, phân công rõ ràng” (4,15; xếp thứ ba) phản ánh việc điều chỉnh phù hợp bối cảnh và điều kiện của từng đơn vị, tránh sao chép máy móc. Hai khâu có điểm thấp hơn là “chỉ đạo xây dựng kế hoạch theo hướng dẫn hiện hành” (4,13; xếp thứ tư) và “rà soát, điều chỉnh khi có biến động” (4,11; xếp cuối), cho thấy cần tăng tính liên tục của chỉ đạo và nâng mức linh hoạt trong triển khai. Phòng vấn cho thấy hoạt động tập huấn của tuyến phòng/sở và chia sẻ nội bộ đã được thực hiện nhưng thiên về đọc - hiểu, ít thực hành, khiến người mới tham gia còn lúng túng.

Khuyến nghị quản lý: (1) Chuẩn hóa khung kế hoạch gồm mục tiêu, chỉ báo theo dõi, tiến độ, phân công, nguồn lực, rủi ro và phương án điều chỉnh; (2) Thiết lập lịch rà soát định

kỳ hằng tháng hoặc hằng quý, kèm biên bản cập nhật và tiêu chí điều chỉnh; (3) Đổi mới bồi dưỡng theo hướng thực hành với tình huống điển hình, thao tác trên biểu mẫu thực tế và cung cấp bảng kiểm ngắn gọn cho người mới.

2.2.2. Tổ chức thực hiện tự đánh giá của các trường mầm non ở thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 2. Kết quả đánh giá về công tác tổ chức thực hiện tự đánh giá trong kiểm định chất lượng giáo dục của các trường mầm non ở thành phố Thủ Đức

TT	Nội dung đánh giá	ĐTB	ĐLC	Thứ Bậc
1	Ban giám hiệu phân công nhiệm vụ cho các thành viên hội đồng TĐG đúng chuyên môn, đúng quy trình	4,14	0,95	2
2	Tổ chức tập huấn, hướng dẫn cụ thể cho thành viên hội đồng trước khi triển khai nhiệm vụ	4,10	0,94	4
3	Đảm bảo cung cấp đầy đủ tài liệu, biểu mẫu, công cụ phục vụ công tác TĐG	4,15	0,93	1
4	Tổ chức họp hội đồng để thống nhất cách thu thập, phân tích và minh chứng	4,12	0,94	3
5	Giám sát tiến độ, điều chỉnh nhân lực hoặc nhiệm vụ khi phát sinh khó khăn trong tổ chức thực hiện	4,06	0,97	5

Kết quả cho thấy công tác tổ chức thực hiện TĐG đạt mức tốt, ĐTB dao động 4,06 - 4,15, phản ánh sự đồng đều giữa các nội dung. Điểm mạnh nhất là bảo đảm tài liệu, biểu mẫu và công cụ phục vụ (ĐTB 4,15; xếp 1), tiếp đến là phân công nhiệm vụ theo đúng chuyên môn và quy trình (4,14; xếp 2) và họp hội đồng để thống nhất cách thu thập, phân tích minh chứng (4,12; xếp 3). Hai khâu có điểm thấp hơn là tập huấn trước khi triển khai (4,10; xếp 4) và giám sát tiến độ kèm điều chỉnh nhân lực khi phát sinh khó khăn (4,06; xếp 5), cho thấy mức sẵn sàng về kỹ năng và tính linh hoạt điều phối chưa tối ưu.

Khuyến nghị quản lý. (1) Chuẩn hóa quy trình tác nghiệp (SOP) cho từng bước: thu thập minh chứng, đối chiếu tiêu chí, nhập liệu và tổng hợp. (2) Tổ chức tập huấn “cầm tay chỉ việc” theo nhóm nhỏ, sử dụng minh chứng thực tế và mô phỏng tình huống. (3) Thiết lập bảng theo dõi tiến độ có mốc thời gian, người phụ trách và ngưỡng cảnh báo sớm. (4) Ban hành cơ chế điều phối linh hoạt (thay người/điều chỉnh phân công) khi vượt ngưỡng chậm tiến độ. (5) Phân công cán bộ điều phối phụ trách từng nhóm để hỗ trợ kỹ thuật, nghiệp vụ kịp thời. (6) Duy trì họp ngắn định kỳ (15 phút/tuần) để cập nhật, tháo gỡ vướng mắc và giữ nhịp triển khai.

2.2.3. Chỉ đạo thực hiện tự đánh giá của các trường mầm non ở thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 3. Kết quả đánh giá về công tác chỉ đạo thực hiện tự đánh giá trong kiểm định chất lượng giáo dục của các trường mầm non ở thành phố Thủ Đức

TT	Nội dung đánh giá	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
1	Lãnh đạo nhà trường chỉ đạo xuyên suốt, rõ ràng và thống nhất trong toàn bộ quá trình TĐG	4,09	0,95	1

TT	Nội dung đánh giá	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
2	Có cơ chế phối hợp giữa ban giám hiệu, tổ chuyên môn, đoàn thể và các bộ phận trong trường	4,08	0,97	2
3	Giáo viên và nhân viên được khuyến khích tham gia đầy đủ vào hoạt động TĐG	4,08	0,99	3
4	Phụ huynh và đại diện cộng đồng được mời góp ý vào báo cáo TĐG	4,00	0,98	5
5	Nhà trường giải quyết kịp thời các phản hồi, khó khăn phát sinh trong quá trình phối hợp thực hiện	4,07	0,96	4

Kết quả cho thấy công tác chỉ đạo đạt mức tốt (ĐTB: 4,00-4,09). Điểm mạnh nổi bật là sự chỉ đạo xuyên suốt, rõ ràng và thống nhất của lãnh đạo nhà trường (4,09; xếp 1), cùng cơ chế phối hợp hiệu quả giữa ban giám hiệu, tổ chuyên môn và các bộ phận (4,08; xếp 2). Việc khuyến khích giáo viên, nhân viên tham gia cũng được duy trì (4,08; xếp 3). Hai khâu còn hạn chế là xử lý phản hồi, khó khăn chưa thật kịp thời (4,07; xếp 4) và huy động phụ huynh, đại diện cộng đồng góp ý báo cáo (4,00; xếp 5), hiện còn thiên về hình thức, thiếu trao đổi chiều sâu.

Về định hướng quản lý, cần mở rộng và làm sâu các kênh tham vấn bên ngoài (tọa đàm phụ huynh theo cụm lớp, nhóm thảo luận theo tiêu chí, khảo sát trực tuyến có cấu trúc), đồng thời công bố bản tóm tắt kết quả TĐG để tăng minh bạch. Thiết lập quy trình xử lý phản hồi nhanh trên nền tảng số (tiếp nhận - phân loại - giao việc - thời hạn - phản hồi, có nhật ký theo dõi). Phân quyền rõ cho tổ/nhóm chuyên môn theo ma trận trách nhiệm, vừa giữ chỉ đạo thống nhất của ban giám hiệu, vừa tăng quyền chủ động khi thực hiện. Theo dõi định kỳ các chỉ số điều hành (tỷ lệ phản hồi đúng hạn, số kiến nghị được giải quyết, mức độ tham gia thực chất của phụ huynh - cộng đồng) để điều chỉnh ở chu kỳ tiếp theo.

2.2.4. Kiểm tra, giám sát hoạt động tự đánh giá của các trường mầm non ở thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 4. Kết quả đánh giá về công tác kiểm tra, giám sát hoạt động tự đánh giá trong kiểm định chất lượng giáo dục của các trường mầm non ở thành phố Thủ Đức

TT	Nội dung đánh giá	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
1	Có kế hoạch kiểm tra, giám sát tiến độ hoạt động TĐG theo từng giai đoạn	4,04	0,97	3
2	Lãnh đạo trường kiểm tra chéo kết quả phân tích minh chứng và nội dung báo cáo	4,10	0,92	1
3	Việc đánh giá nội bộ đảm bảo khách quan, có căn cứ	4,08	0,99	2
4	Có tổ chức phản biện nội dung báo cáo TĐG trước khi ban hành	4,02	0,95	5
5	Tổ chức tổng kết hoạt động TĐG và rút kinh nghiệm để cải tiến cho chu kỳ sau	4,04	0,98	4

Kết quả cho thấy công tác kiểm tra, giám sát đạt mức tốt (ĐTB: 4,02 - 4,10). Điểm mạnh nổi bật là lãnh đạo nhà trường thực hiện kiểm tra chéo phân tích minh chứng và nội dung báo cáo (4,10; xếp 1), qua đó bảo đảm tính chính xác và nhất quán. Việc đánh giá nội bộ được nhìn

nhận khách quan, có căn cứ (4,08; xếp 2). Kế hoạch giám sát theo từng giai đoạn đã được thiết lập (4,04; xếp 3), giúp theo dõi tiến độ và nhắc việc kịp thời.

Hạn chế tập trung ở khâu phản biện báo cáo trước khi ban hành (4,02; xếp 5) và tổng kết, rút kinh nghiệm sau chu kỳ (4,04; xếp 4); nhiều nơi phản biện còn hình thức, thiếu quy trình và tiêu chí rõ, tổng kết chưa đi vào nguyên nhân gốc nên khuyến nghị khó chuyển hóa thành hành động. Cần quy định phiên phản biện nội bộ bắt buộc; áp dụng bảng kiểm chất lượng báo cáo; lập lịch giám sát gắn trách nhiệm và minh chứng; tổ chức tổng kết theo hướng tìm nguyên nhân gốc kèm kế hoạch hành động có chỉ số và thời hạn; đồng thời ứng dụng công cụ số để theo dõi tiến độ, lưu trữ biên bản và nhắc hạn xử lý.

2.2.5. Quản lý các điều kiện hỗ trợ hoạt động tự đánh giá của các trường mầm non ở thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 5. Kết quả đánh giá về công tác quản lý các điều kiện hỗ trợ hoạt động tự đánh giá trong kiểm định chất lượng giáo dục của các trường mầm non ở thành phố Thủ Đức

TT	Nội dung đánh giá	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
1	Kinh phí phục vụ hoạt động TĐG được lập dự toán và sử dụng đúng mục đích	4,01	0,97	5
2	Nhà trường chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hội đồng TĐG làm việc	4,02	0,96	4
3	Tài liệu hướng dẫn, văn bản pháp lý và biểu mẫu TĐG được cung cấp đầy đủ, chính xác	4,06	0,99	2
4	Cán bộ, giáo viên được bố trí thời gian hợp lý để tham gia TĐG mà không ảnh hưởng đến chuyên môn	4,06	0,98	1
5	Việc sử dụng nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài chính) được đánh giá định kỳ và có điều chỉnh phù hợp	4,03	0,93	3

Kết quả cho thấy các điều kiện hỗ trợ cho TĐG đạt mức khá - tốt (ĐTB: 4,01 - 4,06). Hai nội dung đứng đầu là bố trí thời gian để cán bộ, giáo viên tham gia mà không ảnh hưởng chuyên môn và cung cấp đầy đủ tài liệu, biểu mẫu, văn bản pháp lý (cùng 4,06; xếp 1-2), phản ánh sự quan tâm đồng đều tới con người và kỹ thuật. Việc đánh giá, điều chỉnh sử dụng nguồn lực đạt 4,03 (xếp 3). Hai điểm còn hạn chế là cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ làm việc của hội đồng (4,02; xếp 4) và đặc biệt kinh phí dành cho TĐG (4,01; xếp 5): thiếu không gian họp nhóm, thiết bị trình chiếu/lưu trữ dữ liệu; dự toán cho tập huấn, công cụ số và in ấn chưa đáp ứng.

Định hướng quản lý: (i) xác định rõ “dòng ngân sách TĐG” trong kế hoạch năm học (tập huấn, phần mềm, hoàn thiện biểu mẫu, in ấn chuẩn); (ii) đầu tư gói tối thiểu thiết yếu gồm máy tính đủ cấu hình xử lý dữ liệu, thiết bị trình chiếu/màn hình, phòng họp nhỏ và kho lưu trữ điện tử có phân quyền; (iii) duy trì đánh giá định kỳ mức đáp ứng nguồn lực, kèm điều chỉnh theo nhu cầu thực tế, ưu tiên hạng mục tác động trực tiếp tới chất lượng minh chứng và tiến độ triển khai.

2.2.6. Yếu tố ảnh hưởng đến quản lý hoạt động tự đánh giá của các trường mầm non ở thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

- Yếu tố khách quan: Mức ảnh hưởng chung ở ngưỡng khá (ĐTB: 3,92 - 4,03). Cao nhất là sự quan tâm và hỗ trợ của chính quyền địa phương, tổ chức xã hội (4,03) - tạo điều kiện về

môi trường và huy động nguồn lực. Kế đến là sự phối hợp, đồng thuận của phụ huynh - cộng đồng (3,99) và hỗ trợ chuyên môn từ Phòng/Sở Giáo dục và Đào tạo (3,96), góp phần chuẩn hóa quy trình và tăng tính minh bạch. Hai yếu tố thấp hơn gồm độ rõ ràng, khả thi của văn bản hướng dẫn và điều kiện kinh phí - trang thiết bị - cơ sở vật chất (đều 3,92), cho thấy nhu cầu cụ thể hóa hướng dẫn và bổ sung nguồn lực để triển khai đồng bộ.

- Yếu tố chủ quan: Các yếu tố nội bộ có tác động cao (ĐTB: 4,01 - 4,10). Nổi bật là sự phối hợp giữa các bộ phận trong trường (4,10), quyết định nhịp độ và chất lượng luồng công việc. Tính chủ động và trách nhiệm của hội đồng TĐG đứng thứ hai (4,05), tiếp đến là mức nhận thức về vai trò TĐG trong quản lý chất lượng (4,04). Năng lực cán bộ quản lý (4,03) và kỹ năng thực hiện TĐG của giáo viên (4,01) vẫn là “khoảng trống năng lực” cần bồi dưỡng nhằm thu hẹp chênh lệch thực thi giữa các đơn vị.

- Khuyến nghị quản lý: Ở bình diện khách quan: kiến nghị cấp trên ban hành phụ lục hướng dẫn theo đặc thù mầm non (mẫu biểu, ví dụ minh chứng), ký thỏa thuận phối hợp với chính quyền/đoàn thể để huy động nguồn lực minh bạch, và đa dạng hóa kênh tham gia của phụ huynh - cộng đồng (tọa đàm, khảo sát trực tuyến). Ở bình diện chủ quan: chuẩn hóa cơ chế phối hợp nội bộ (quy trình chia sẻ minh chứng, lịch liên tổ, đầu mối chịu trách nhiệm), bồi dưỡng theo mô-đun cho cán bộ quản lý và giáo viên (đọc tiêu chí - thu thập minh chứng - phân tích số liệu - viết báo cáo - lập kế hoạch cải tiến), liên thông bắt buộc kết quả TĐG vào kế hoạch năm học/kế hoạch bồi dưỡng/dự toán ngân sách, và số hóa toàn quy trình (biểu mẫu điện tử, kho minh chứng số, bảng theo dõi tiến độ). Thực hiện đồng bộ các giải pháp này sẽ giúp chuyển từ “tuân thủ” sang “cải tiến liên tục”, nâng cao hiệu quả quản trị và chất lượng giáo dục.

2.3. Đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động tự đánh giá trường mầm non ở thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

2.3.1. Nâng cao chất lượng công tác lập kế hoạch tự đánh giá

Mục tiêu: Xây dựng kế hoạch TĐG khoa học, phù hợp đặc điểm từng trường và quy định hiện hành; tạo đồng thuận ngay từ đầu; nâng tính linh hoạt để kịp thời điều chỉnh khi bối cảnh thay đổi.

Nội dung: Hoàn thiện quy trình lập kế hoạch theo chuỗi: phân tích bối cảnh → xác định mục tiêu → thiết kế nội dung, tiến độ → phân công nhiệm vụ → bố trí nguồn lực → phương án điều chỉnh. Xây dựng bộ tiêu chí rà soát định kỳ (ít nhất mỗi học kỳ). Làm rõ vai trò, trách nhiệm của từng thành viên; lồng ghép nội dung giám sát – đánh giá thực hiện ngay trong kế hoạch.

Cách thực hiện: Thu thập dữ liệu TĐG các năm, văn bản hướng dẫn và hiện trạng nhà trường; thành lập nhóm xây dựng kế hoạch do Ban giám hiệu chủ trì; tổ chức hội thảo nội bộ để xác định mục tiêu, nhiệm vụ; dự thảo kế hoạch (mục tiêu, tiến độ, nhân sự, kinh phí, phương án dự phòng); lấy ý kiến toàn trường và hoàn thiện; ban hành - phổ biến; rà soát, điều chỉnh theo chu kỳ học kỳ.

Điều kiện: Đội ngũ hiểu quy trình TĐG và kỹ năng lập kế hoạch; có đủ thông tin pháp lý và dữ liệu thực trạng; bố trí thời gian làm việc; bảo đảm phòng làm việc, thiết bị, phần mềm và kinh phí; quy định phối hợp giữa các bộ phận.

2.3.2. Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn và hỗ trợ nghiệp vụ cho hội đồng tự đánh giá

Mục tiêu: Trang bị kiến thức, kỹ năng TĐG cho thành viên hội đồng; giảm chênh lệch năng lực, nhất là người mới; tạo môi trường học hỏi, nâng tính chuyên nghiệp.

Nội dung: Thiết kế chương trình kết hợp lý thuyết - thực hành, gắn tình huống thật của bậc mầm non Thủ Đức; hướng dẫn sử dụng biểu mẫu, phần mềm và công cụ quản lý minh chứng; chia sẻ bài học từ các đơn vị làm tốt; tổ chức hỗ trợ nghiệp vụ thường xuyên.

Cách thực hiện: Khảo sát nhu cầu bồi dưỡng; xây dựng kế hoạch (mục tiêu, nội dung, hình thức, thời gian, kinh phí, giảng viên); triển khai đa dạng: trực tiếp tại trường/cụm trường, trực tuyến (Zoom/Meet) với tài liệu số; lồng ghép thực hành xử lý minh chứng và viết báo cáo mẫu; duy trì kênh trao đổi thường xuyên (Zalo, email, diễn đàn nội bộ); đánh giá hiệu quả qua phản hồi và kết quả công việc.

Điều kiện: Có báo cáo viên am hiểu TĐG; đủ tài liệu pháp lý, biểu mẫu, video minh họa; hạ tầng phòng học/trực tuyến, phần mềm; kinh phí mời giảng viên, in ấn, duy trì công nghệ thông tin; Ban giám hiệu chỉ đạo, tổ chuyên môn và bộ phận công nghệ thông tin phối hợp.

2.3.3. Tăng cường tổ chức, phân công và điều phối hoạt động tự đánh giá

Mục tiêu: Triển khai TĐG có hệ thống, đúng tiến độ - chất lượng; phát huy năng lực từng người qua phân công phù hợp; tăng khả năng điều phối để xử lý kịp thời tình huống phát sinh.

Nội dung: Hoàn thiện cơ cấu hội đồng; quy định rõ nhiệm vụ từng bộ phận, cá nhân; thiết lập quy trình: giao nhiệm vụ → hướng dẫn → theo dõi → điều chỉnh → nghiệm thu; cơ chế trao đổi thông tin giữa nhóm/tiểu ban; quy định chế độ báo cáo tiến độ; cho phép “điều phối linh hoạt” khi cần thay người, đổi việc để không chậm tiến độ.

Cách thực hiện: Rà soát năng lực để phân công phù hợp; Ban Giám hiệu ban hành quyết định phân công kèm mô tả việc, thời hạn, tiêu chí sản phẩm; điều phối bằng công cụ theo dõi (Google Sheets/Drive, phần mềm minh chứng, nhóm Zalo); họp giao ban định kỳ; phân công cán bộ giám sát hỗ trợ kỹ thuật - nghiệp vụ; tổng hợp, đánh giá kết quả và rút kinh nghiệm theo giai đoạn.

Điều kiện: Hội đồng đủ số lượng và cơ cấu; thành viên nắm quy trình - nhiệm vụ; có cán bộ điều phối có kỹ năng quản lý nhóm; kế hoạch, biểu mẫu, mốc thời gian phổ biến rõ; có hệ thống quản lý tiến độ, kho minh chứng; phòng làm việc, thiết bị, internet ổn định; Ban Giám hiệu theo dõi sát và sẵn sàng điều chỉnh.

2.3.4. Phát huy vai trò chỉ đạo và cơ chế phối hợp giữa các lực lượng trong và ngoài nhà trường

Mục tiêu: Bảo đảm chỉ đạo thống nhất, xuyên suốt của Ban Giám hiệu; huy động sức mạnh tổng hợp của tổ chuyên môn, công đoàn, đoàn thể, giáo viên, nhân viên, phụ huynh và cộng đồng; nâng trách nhiệm và tính chủ động của các bên.

Nội dung: Thiết lập cơ chế chỉ đạo trực tiếp của Ban Giám hiệu đối với hội đồng TĐG; xây dựng kế hoạch phối hợp giữa các tổ chức trong trường và đối tác bên ngoài; ban hành quy chế phối hợp bằng văn bản (quyền hạn, trách nhiệm, phương thức, thời gian); tăng sự tham gia thực chất của phụ huynh - cộng đồng trong góp ý báo cáo và hoạt động cải tiến.

Cách thực hiện: Làm rõ vai trò - trách nhiệm các bên; lập danh sách đối tác (ban đại diện cha mẹ học sinh, chính quyền, tổ chức xã hội, doanh nghiệp địa phương); xác định nội dung, thời điểm, hình thức phối hợp (họp, tọa đàm, khảo sát, phản biện); Ban Giám hiệu chủ trì họp định kỳ/đột xuất, dùng kênh thông tin nhanh để liên lạc; mời phụ huynh - cộng đồng tham gia phản biện, thảo luận, lấy ý kiến đa dạng; đánh giá hiệu quả phối hợp sau từng giai đoạn.

Điều kiện: Ban Giám hiệu có năng lực điều hành - điều phối; các tổ chức/cá nhân có tinh thần hợp tác; cung cấp đủ kế hoạch, văn bản, biểu mẫu; có không gian, phương tiện họp - kết nối trực tuyến; có quy định phối hợp và lịch làm việc định kỳ; kinh phí cho hoạt động phối hợp và phản biện.

2.3.5. Đối mới công tác kiểm tra, giám sát, phản biện và tổng kết hoạt động tự đánh giá

Mục tiêu: Duy trì kiểm tra, giám sát thường xuyên, khách quan; nâng chất lượng phản biện để phát hiện sớm hạn chế và đề xuất giải pháp; tổng kết - rút kinh nghiệm sau mỗi chu kỳ để nâng năng lực quản lý và hiệu quả triển khai.

Nội dung: Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát theo giai đoạn, có tiêu chí - phương pháp - công cụ rõ ràng; thành lập nhóm phản biện độc lập (có thể mời chuyên gia/đại diện ngoài hội đồng) để tăng khách quan; tổ chức tổng kết, lưu trữ kết quả và bài học; ứng dụng công nghệ thông tin trong giám sát tiến độ, thu thập phản hồi, phân tích dữ liệu.

Cách thực hiện: Lập kế hoạch kiểm tra (nội dung, thời gian, tần suất, người phụ trách); giám sát trực tiếp qua họp định kỳ và báo cáo tiến độ, đồng thời giám sát trực tuyến qua phần mềm/kho dùng chung; thực hiện phản biện bằng cách mời đối tượng liên quan góp ý, ghi nhận - phân loại vấn đề để xử lý; họp tổng kết hội đồng, phân tích nguyên nhân gốc, đề xuất cải tiến; lập báo cáo tổng kết và gắn đề xuất vào kế hoạch chu kỳ sau.

Điều kiện: Có đội ngũ giám sát công tâm, am hiểu quy trình; nhóm phản biện có năng lực; đủ kế hoạch, biểu mẫu, tiêu chí kiểm tra - phản biện; dữ liệu và báo cáo tiến độ cập nhật; có phần mềm/bảng theo dõi, công cụ khảo sát trực tuyến, cơ sở dữ liệu; quy trình - trách nhiệm rõ; kinh phí cho giám sát, phản biện, hội thảo tổng kết và công cụ hỗ trợ.

2.3.6. Quản lý và bảo đảm hiệu quả các điều kiện hỗ trợ hoạt động tự đánh giá, bao gồm phát triển năng lực đội ngũ

Mục tiêu: Bảo đảm tài chính, cơ sở vật chất, thiết bị, tài liệu, thời gian và nhân lực cho TĐG được chuẩn bị đầy đủ, sử dụng hiệu quả; nâng năng lực chuyên môn và kỹ năng TĐG cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; tạo môi trường và nguồn lực bền vững cho kiểm định chất lượng mầm non.

Nội dung:

Điều kiện vật chất - tài chính: Lập dự toán riêng cho TĐG trong kế hoạch năm học, ưu tiên các hạng mục thiết yếu (tập huấn, thiết bị, tài liệu, phần mềm); chuẩn bị phòng làm việc, máy tính, máy in, máy chiếu, internet ổn định; cung cấp đủ văn bản, hướng dẫn, biểu mẫu.

Điều kiện thời gian: Bố trí lịch làm việc hợp lý để tham gia TĐG mà không ảnh hưởng công tác chăm sóc - giáo dục.

Phát triển năng lực: Xây dựng chương trình bồi dưỡng theo vị trí việc làm (phân tích minh chứng, viết báo cáo, ứng dụng công nghệ thông tin, làm việc nhóm); gắn với chu trình PDCA; khuyến khích chia sẻ kinh nghiệm trong và giữa các trường.

Cách thực hiện: Khảo sát nguồn lực hiện có; lập kế hoạch đảm bảo điều kiện theo nhóm hạng mục, kèm dự toán và phân công phụ trách; phân bổ - sử dụng nguồn lực công khai, tiết kiệm, ưu tiên nhu cầu cấp thiết; tổ chức bồi dưỡng lý thuyết - thực hành bằng minh chứng thật; theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn lực và kết quả bồi dưỡng; điều chỉnh kịp thời theo thực tế và yêu cầu mới.

Điều kiện: Cán bộ phụ trách cơ sở vật chất, tài chính, nhân sự có năng lực; đội ngũ có ý thức tự bồi dưỡng; nguồn kinh phí ổn định và phân bổ rõ; không gian làm việc và thiết bị đáp ứng xử lý dữ liệu - lưu trữ minh chứng - họp/tập huấn; tài liệu, biểu mẫu cập nhật và kho

dữ liệu điện tử dùng chung; cơ chế trách nhiệm - sử dụng nguồn lực minh bạch, gắn kết quả phát triển năng lực với đánh giá thi đua, khen thưởng.

Kết nối các biện pháp: Sáu biện pháp trên liên kết theo chu trình PDCA: lập kế hoạch chuẩn (2.3.1) → nâng năng lực thực thi (2.3.2) → tổ chức – điều phối hiệu quả (2.3.3) → chỉ đạo và phối hợp đa bên (2.3.4) → giám sát - phản biện - tổng kết (2.3.5) → bảo đảm điều kiện và phát triển đội ngũ (2.3.6). Thực hiện đồng bộ sẽ giúp hoạt động TĐG chuyển từ mức “làm đúng” sang “làm tốt và cải tiến liên tục”, qua đó nâng cao chất lượng giáo dục mầm non một cách thực chất và bền vững tại thành phố Thủ Đức.

3. Kết luận

Nghiên cứu cho thấy hoạt động TĐG trong KĐCLGD tại các trường mầm non ở thành phố Thủ Đức đã được triển khai tương đối đầy đủ, bám sát quy định; đa số nội dung đạt mức “tốt”, một số khía cạnh tiệm cận “rất tốt”, và kết quả TĐG đã được sử dụng để điều chỉnh kế hoạch năm học, phân bổ nguồn lực, cải tiến nuôi dưỡng - chăm sóc - giáo dục trẻ. Tổ chức thực hiện khá đồng bộ các bước (lập kế hoạch, thành lập hội đồng, phân công, thu thập - xử lý minh chứng, viết báo cáo, triển khai cải tiến); điểm mạnh nổi bật là kế hoạch sát thực tế, phương pháp đa dạng và bước đầu ứng dụng công nghệ thông tin.

Công tác quản lý ghi nhận năm hợp phần (lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra - giám sát, bảo đảm điều kiện) ở mức “tốt”; ban giám hiệu điều hành xuyên suốt; tài liệu, biểu mẫu và công cụ hỗ trợ khá đầy đủ; phối hợp nội bộ tương đối hiệu quả. Tuy nhiên, còn hạn chế: linh hoạt điều chỉnh kế hoạch chưa cao; bồi dưỡng còn thiên về lý thuyết; thu thập - phân tích minh chứng tốn thời gian; phản biện và tổng kết chưa sâu; sự tham gia của phụ huynh và cộng đồng đôi khi hình thức; cơ sở vật chất và kinh phí ở một số đơn vị còn thiếu.

Các yếu tố ảnh hưởng gồm khách quan (sự hỗ trợ của chính quyền địa phương, cộng đồng, Phòng/Sở Giáo dục và Đào tạo) và chủ quan (phối hợp nội bộ, trách nhiệm hội đồng TĐG, nhận thức và năng lực đội ngũ). Bài báo đề xuất 6 biện pháp quản lý: (1) nâng cao chất lượng lập kế hoạch; (2) bồi dưỡng nghiệp vụ theo hướng thực hành; (3) tăng cường tổ chức, phân công và điều phối linh hoạt; (4) phát huy chỉ đạo và phối hợp trong – ngoài nhà trường; (5) đổi mới kiểm tra, giám sát, phản biện và tổng kết; (6) bảo đảm điều kiện hỗ trợ gắn phát triển năng lực. Hàm ý: hoàn thiện hướng dẫn theo tình huống, số hóa minh chứng, rà soát kế hoạch định kỳ, mở rộng công khai - tham vấn, và gắn kết quả TĐG với kế hoạch phát triển nhà trường. Hạn chế của nghiên cứu là phạm vi địa bàn và thời điểm cắt ngang; nghiên cứu tiếp theo nên theo dõi dọc để lượng hóa tác động các biện pháp.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018a). *Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/08/2018 về việc ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường trung học phổ thông có nhiều cấp học*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018b). *Hướng dẫn số 5942/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018 về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông*.
- Burchinal, M. (2018). Measuring early care and education quality. *Child Development Perspectives*, 12(1), 3-9. <https://doi.org/10.1111/cdep.12260>.
- Đàm, T. L. (2017). Một số kỹ thuật trong viết báo cáo tự đánh giá ở các trường trung học phổ thông. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 26(6), 25-28. <https://doi.org/10.52714/dthu.26.6.2017.467>.

- Đỗ, Đ. T., & Nguyễn, Q. A. (2024). Quản lý hoạt động tự đánh giá trong kiểm định chất lượng giáo dục tại một số trường trung học phổ thông công lập quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Giáo dục*, 23 (Số đặc biệt 11), 117-121. <https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/1410>.
- Lê, H. C., & Đỗ, N. B. (2024). Thực trạng quản lý hoạt động tự đánh giá trong kiểm định chất lượng giáo dục ở các trường trung học cơ sở thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(03S), 253-264. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.03S.2024.1424>.
- Lê, T. D. (2023). Thực trạng quản lý hoạt động tự đánh giá trường tiểu học ở thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 12(02S), 59-68. <https://doi.org/10.52714/dthu.12.02S.2023.1084>.
- Schildkamp, K., Visscher, A., & Luyten, H. (2012). Factors and conditions affecting the impact of school self-evaluation. *British Educational Research Journal*, 38(4), 635-662. <https://doi.org/10.1080/01411926.2010.528556>.
- Trần, T. N. B. (2021). Đánh giá hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong của một số trường đại học Việt Nam. *Tạp chí Giáo dục*, 497(1), 54-59. <https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/73>.
- Vanhoof, J., & Van Petegem, P. (2007). Matching internal and external evaluation in an era of accountability. *Studies in Educational Evaluation*, 33(2), 101-119. <https://doi.org/10.1016/j.stueduc.2007.04.001>.
- Vũ, T. P. T., Lương, Đ. H., & Nguyễn, D. L. (2023). Tổng quan những nghiên cứu về bộ công cụ đánh giá hiệu quả hoạt động giáo dục môi trường trong nhà trường. *Tạp chí Giáo dục*, 23(9), 18-23. <https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/749>.